

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2023
V/v: ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng
2. Bà Ngô Hồng Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tùng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 470/2022/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Ngọc T, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: 278 ấp L, xã M, huyện C1, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu D, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(Anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nhận ngày 17/8/2022 và tại Bản tự khai ngày 24/10/2022, nguyên đơn anh Đặng Ngọc T trình bày: anh và chị D cưới nhau vào năm 2020 có đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2020 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do vợ chồng không yêu thương nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Nay, xét thấy tình cảm không còn nên anh khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu D.

Về nuôi con chung: vợ chồng không có con chung.

Về chia tài sản: vợ chồng không có tài sản.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

Anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu D đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho chị D biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, nhưng chị D không có ý kiến gì và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh Đặng Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu D là quan hệ tranh chấp ly hôn, căn cứ theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Anh Đặng Ngọc T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh T.

Chị Nguyễn Thị Thu D đã được Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng chị D vẫn không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị D.

[2]. Về nội dung:

Anh Đặng Ngọc T và chị Nguyễn Thị Thu D cưới nhau vào năm 2020 có đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2020 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị D là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn theo anh T trình bày là do vợ chồng không có sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng có nhiều bất đồng và không có khả năng hàn gắn nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Chị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn không gửi cho Tòa án bất cứ văn bản nào trình bày ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên hòa giải, phiên tòa. Từ đó cho thấy, chị D không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với anh T.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T và chị D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị D theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nuôi con chung: vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ chung thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: anh T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Mỷn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Ngọc T về việc ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Thu D.

Về hôn nhân: anh Đặng Ngọc T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu D.

Về án phí: anh Đặng Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 000698 ngày 28/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An. Anh T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Trúc